TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ- ST
Ngày 20/7/2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Văn Tiến;

2. Bà Phạm Hồng Thiêm;

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Ngày 20/7/2017, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: Thôn T3, xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2.Bị đơn: Anh Bùi Văn R, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn được Uỷ ban nhân dân xã T1 xác nhận ngày 13/3/2017, bản tự khai ngày 27/3/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Bùi Văn R tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/02/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã T1. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng ở xã T1. Tháng 9/2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do anh R. Đến ngày 15/3/2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị đưa các con chung về nhà bố mẹ chị ở thôn T3, xã T4 làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị có nguyện vọng ly hôn anh R; hiện nay chị không mang thai. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Bùi Hồng N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2007; Bùi Phương M, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2010; Bùi Hoàng T5, sinh

ngày 28 tháng 8 năm 2012; chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung; yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2017, bị đơn là anh Bùi Văn R thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc kết hôn, về quá trình chung sống, về con chung; về việc vợ chồng mâu thuẫn nên chị D đã đưa cả ba con về sinh sống tại gia đình chị ở thôn T3, xã T4. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhưng anh không đồng ý ly hôn vì không muốn các con thiếu bố hoặc mẹ; tuy vậy, anh không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Anh không có ý kiến gì về việc các con chung sống với bố hoặc với mẹ mà điều đó là tùy các con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại đơn đề nghị được Uỷ ban nhân dân xã T1 xác nhận ngày 28/3/2017, các con chung của anh chị là Bùi Hồng N, Bùi Phương M đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, chị D xin ly hôn, anh R có nguyện vọng đoàn tụ. Về con chung: Chị D, anh R thống nhất có ba con chung; chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung; yêu cầu anh R cấp dưỡng. Anh R không có ý kiến về việc nuôi con chung nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị D, anh R đều không yêu cầu giải quyết.

Do hòa giải không thành nên vụ án phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn là anh Bùi Văn R vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị D và anh R là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị D anh R đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị D ly hôn anh R.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Bùi Hồng N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2007; Bùi Phương M, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2010; Bùi Hoàng T5, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2012. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung; yêu cầu anh R cấp dưỡng. Anh R không có ý kiến gì về người trực tiếp nuôi con chung nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Các con chung của anh chị là Bùi Hồng N; Bùi Phương M đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Bùi Hồng N; Bùi Phương M; giao cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Hoàng T5; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Phạm Thị D phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Dly hôn anh Bùi Văn R.

2. Về con chung: -Vợ chồng chị D- anh R ba con chung là Bùi Hồng N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2007; Bùi Phương M, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2010; Bùi Hoàng T5, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2012.

-Xử giao hai con chung Bùi Hồng N; Bùi Phương M cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Xử giao con chung Bùi Hoàng T5 cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị D phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000961 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị D đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-UBND xã T1; huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN VĂN TÒNG